

Số: **57** /2025/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 31 tháng 12 năm 2025

THÔNG TƯ

Hướng dẫn nội dung chi cho hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin

Căn cứ Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 55/2025/NĐ-CP ngày 02 tháng 3 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chuyển đổi số quốc gia;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư hướng dẫn nội dung chi cho hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn nội dung chi cho hoạt động đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại điểm c khoản 37 Điều 1 Nghị định số 82/2024/NĐ-CP ngày 10 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 73/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 9 năm 2019 của Chính phủ quy định quản lý đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng nguồn vốn ngân sách nhà nước (gọi tắt là Nghị định số 73/2019/NĐ-CP, Nghị định số 82/2024/NĐ-CP), bao gồm:

a) Nội dung chi của dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước;

b) Nội dung chi của dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với các đối tượng quy định tại Điều 2 Nghị định số 73/2019/NĐ-CP.

Điều 3. Nội dung chi của dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước

Các nội dung chi của dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi đầu tư phát triển nguồn vốn ngân sách nhà nước bao gồm:

1. Trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư:

a) Chi khảo sát; điều tra, nghiên cứu phục vụ lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tuyển chọn giải pháp;

b) Chi lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư; lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

c) Chi thẩm tra báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư, báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

d) Chi lựa chọn nhà thầu trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư: Chi lập, thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu; chi lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; chi đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; chi thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; chi khác theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

đ) Chi thẩm định giá trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư (nếu có);

e) Chi phí quản lý trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư (nếu có).

g) Chi phục vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin mạng theo quy định của pháp luật trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư;

h) Chi thực hiện các công việc có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Trong giai đoạn thực hiện đầu tư:

a) Chi khảo sát bổ sung (nếu có) phục vụ lập thiết kế chi tiết, dự toán (trừ trường hợp dự án thực hiện lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật);

b) Chi lập thiết kế chi tiết, điều chỉnh, bổ sung thiết kế chi tiết; lập dự toán; điều chỉnh dự toán (trừ trường hợp dự án thực hiện lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật);

c) Chi thẩm định giá trong giai đoạn thực hiện đầu tư (nếu có);

d) Chi thẩm tra thiết kế chi tiết, dự toán (trừ trường hợp dự án thực hiện lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật);

đ) Chi lựa chọn nhà thầu trong giai đoạn thực hiện đầu tư: Chi lập, thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu; chi lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; chi đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; chi thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; chi khác theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

e) Chi mua sắm, lắp đặt mạng, phụ kiện mạng công nghệ thông tin và các chi phí khác phục vụ cho lắp đặt mạng; chi xây lắp trực tiếp khác có liên quan.

g) Chi mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin: Thiết bị phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị không phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị phụ trợ và thiết bị ngoại vi, phần mềm thương mại và dịch vụ hỗ trợ đi kèm (theo yêu cầu của nhà sản xuất), phần mềm nội bộ và các thiết bị khác; chi phí vận chuyển, bảo hiểm thiết bị; thuế và các loại phí liên quan;

h) Chi thu thập, phân loại, đồng bộ dữ liệu, tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa, chuyển đổi phục vụ cho nhập dữ liệu, tạo lập cơ sở dữ liệu; nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu;

i) Chi lắp đặt thiết bị; cài đặt phần mềm; kiểm tra, hiệu chỉnh thiết bị và phần mềm;

k) Chi đào tạo hướng dẫn sử dụng; đào tạo cho cán bộ quản trị, vận hành hệ thống (nếu có);

l) Chi triển khai, hỗ trợ, quản trị, vận hành sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án trước khi nghiệm thu bàn giao toàn bộ sản phẩm của dự án (nếu có);

m) Chi lắp đặt, dịch vụ đường truyền; dịch vụ Internet, thông tin trên mạng, Mạng truyền số liệu chuyên dùng; dịch vụ đăng ký và duy trì tên miền; dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ viễn thông; dịch vụ công nghệ thông tin để phục vụ các hoạt động trong quá trình triển khai đầu tư dự án;

n) Chi lập định mức, đơn giá; kiểm tra chất lượng vật liệu, thiết bị; đánh giá chất lượng sản phẩm; quy đổi vốn đầu tư;

o) Chi giám sát công tác triển khai;

p) Chi cho các loại phí và lệ phí theo quy định của pháp luật phí và lệ phí (nếu có); chi phí bảo hiểm (trừ chi phí bảo hiểm thiết bị đã tính trong chi thiết bị);

q) Chi kiểm thử hoặc vận hành thử;

r) Chi quản lý dự án: gồm các chi phí để tổ chức thực hiện quản lý dự án từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến khi hoàn thành, nghiệm thu bàn giao, đưa sản phẩm của dự án vào khai thác sử dụng và chi phí giám sát, đánh giá đầu tư dự án.

s) Chi phục vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin mạng theo quy định của pháp luật trong giai đoạn thực hiện đầu tư;

t) Chi thực hiện các công việc có liên quan trong giai đoạn thực hiện đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Trong giai đoạn kết thúc đầu tư:

a) Chi kiểm toán; thẩm tra, phê duyệt quyết toán;

b) Chi lựa chọn nhà thầu trong giai đoạn kết thúc đầu tư: Chi lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; chi đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; chi thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; chi khác theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

c) Chi thực hiện các công việc có liên quan trong giai đoạn kết thúc đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 4. Nội dung chi của dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước

Các nội dung chi của dự án đầu tư ứng dụng công nghệ thông tin sử dụng kinh phí chi thường xuyên nguồn vốn ngân sách nhà nước bao gồm:

1. Trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư:

a) Chi khảo sát (nếu có) phục vụ lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

b) Chi lập báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

c) Chi thẩm tra báo cáo nghiên cứu khả thi hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật;

d) Chi trong lựa chọn nhà thầu trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư: Chi lập, thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu; chi lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; chi đánh giá hồ sơ

quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; chi thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; chi khác theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

đ) Chi thẩm định giá trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư (nếu có);

e) Chi phí quản lý trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư (nếu có);

g) Chi phục vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin mạng theo quy định của pháp luật trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư;

h) Chi thực hiện các công việc có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Trong giai đoạn thực hiện đầu tư:

a) Chi khảo sát bổ sung (nếu có) phục vụ lập thiết kế chi tiết, dự toán (trừ trường hợp dự án thực hiện lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật);

b) Chi lập thiết kế chi tiết, điều chỉnh, bổ sung thiết kế chi tiết; lập dự toán; điều chỉnh dự toán (trừ trường hợp dự án thực hiện lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật);

c) Chi thẩm định giá trong giai đoạn thực hiện đầu tư (nếu có);

d) Chi thẩm tra thiết kế chi tiết, dự toán (trừ trường hợp dự án thực hiện lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật);

đ) Chi lựa chọn nhà thầu trong giai đoạn thực hiện đầu tư: Chi lập, thẩm định kế hoạch tổng thể lựa chọn nhà thầu; chi lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; chi đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; chi thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; chi khác theo quy định của pháp luật về đấu thầu;

e) Chi mua sắm, lắp đặt mạng, phụ kiện mạng công nghệ thông tin và các chi phí khác phục vụ cho lắp đặt mạng; chi xây lắp trực tiếp khác có liên quan;

g) Chi mua sắm trang thiết bị công nghệ thông tin: Thiết bị phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị không phải lắp đặt và cài đặt, thiết bị phụ trợ và thiết bị ngoại vi, phần mềm thương mại và dịch vụ hỗ trợ đi kèm (theo yêu cầu của nhà sản xuất), phần mềm nội bộ và các thiết bị khác; chi phí vận chuyển, bảo hiểm thiết bị; thuế và các loại phí liên quan;

h) Chi thu thập, phân loại, đồng bộ dữ liệu, tạo lập cơ sở dữ liệu; chuẩn hóa, chuyển đổi phục vụ cho nhập dữ liệu, tạo lập cơ sở dữ liệu; nhập dữ liệu cho cơ sở dữ liệu;

i) Chi lắp đặt thiết bị; cài đặt phần mềm; kiểm tra, hiệu chỉnh thiết bị và phần mềm;

k) Chi đào tạo hướng dẫn sử dụng; đào tạo cho cán bộ quản trị, vận hành hệ thống (nếu có);

l) Chi triển khai, hỗ trợ, quản trị, vận hành sản phẩm hoặc hạng mục công việc của dự án trước khi nghiệm thu bàn giao toàn bộ sản phẩm của dự án (nếu có);

m) Chi lắp đặt, dịch vụ đường truyền; dịch vụ Internet, thông tin trên mạng, Mạng truyền số liệu chuyên dùng; dịch vụ đăng ký và duy trì tên miền; dịch vụ trung tâm dữ liệu, dịch vụ điện toán đám mây, dịch vụ viễn thông; dịch vụ công nghệ thông tin để phục vụ các hoạt động trong quá trình triển khai đầu tư dự án;

n) Chi lập định mức, đơn giá; kiểm tra chất lượng vật liệu, thiết bị; đánh giá chất lượng sản phẩm; quy đổi vốn đầu tư;

o) Chi giám sát công tác triển khai;

p) Chi cho các loại phí và lệ phí theo quy định của pháp luật phí và lệ phí (nếu có); chi phí bảo hiểm (trừ chi phí bảo hiểm thiết bị đã tính trong chi thiết bị);

q) Chi kiểm thử hoặc vận hành thử;

r) Chi quản lý dự án: gồm các chi phí để tổ chức thực hiện quản lý dự án từ giai đoạn chuẩn bị đầu tư đến khi hoàn thành, nghiệm thu bàn giao, đưa sản phẩm của dự án vào khai thác sử dụng và chi phí giám sát, đánh giá đầu tư dự án;

s) Chi phục vụ bảo đảm an toàn thông tin mạng, an ninh thông tin mạng theo quy định của pháp luật trong giai đoạn thực hiện đầu tư;

t) Chi thực hiện các công việc có liên quan trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

3. Trong giai đoạn kết thúc đầu tư:

a) Chi kiểm toán; thẩm tra, phê duyệt quyết toán;

b) Chi lựa chọn nhà thầu trong giai đoạn kết thúc đầu tư: Chi lập, thẩm định hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời sơ tuyển, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu; chi đánh giá hồ sơ quan tâm, hồ sơ dự sơ tuyển, hồ sơ dự thầu, hồ sơ đề xuất; chi thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu; chi khác theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

c) Chi thực hiện các công việc có liên quan trong giai đoạn kết thúc đầu tư theo quy định của pháp luật chuyên ngành.

Điều 5. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 15 tháng 02 năm 2026
2. Bộ Khoa học và Công nghệ theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn thực hiện Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh đầy đủ, kịp thời về Bộ Khoa học và Công nghệ để nghiên cứu, giải quyết. h

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các Hội, đoàn thể;
- Cục Kiểm tra và Quản lý XLVPHC (Bộ Tư pháp);
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Bộ KH&CN: Bộ trưởng, các Thứ trưởng; các cơ quan, đơn vị trực thuộc, Cổng TTĐT;
- Lưu: VT, CĐSQG (02).

BỘ TRƯỞNG



Nguyễn Mạnh Hùng

